

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2019/HS-PT

Ngày: 24-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát V.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 69/2019/TLPT-HS ngày 25-6-2019 đối với bị cáo Lê Trần H, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HSST ngày 17-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

Lê Trần H, sinh năm 1992 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Trần H1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971, hiện đều cư trú tại thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vợ Nguyễn Thị Trâm A, sinh năm 1995, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ/tạm giam từ ngày 31-3-2014 đến ngày 17-4-2014 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa:

1. Luật sư Nguyễn Bích Lan, Văn phòng Luật sư số 5 - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Văn Dũng, Văn phòng Luật sư số 5 - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Luật sư Vũ Thị Hạnh Hương, Văn phòng Luật sư số 5 - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;

2. Anh Nguyễn Tấn V1, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Nguyễn Cao Trí, Trung tâm tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Trần H1, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;

2. Chị Lê Trần Ngọc L, sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;

3. Bà Trương Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ 6, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;

4. Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 1, thôn B, xã H, huyện Đ, Lâm Đồng. Có mặt;

5. Ông Đình Ngọc H, sinh năm 1957; nơi cư trú thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;

6. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1959; nơi cư trú: tổ 1, thôn B, xã H, huyện Đ, Lâm Đồng. Vắng mặt;

7. Bà Nguyễn Thị N; nơi cư trú: tổ 1, thôn B, xã H, huyện Đ, Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn tranh chấp lời đi tại thôn 1, xã Bắc Hội, xã H, huyện Đ nên vào khoảng 09 giờ ngày 27-8-2013 xảy ra sự xô xát và cãi vã giữa bị cáo Lê Trần H với hai anh em bị hại anh Nguyễn Tấn V, anh Nguyễn Tấn V1. Trong quá trình cãi nhau, bị hại anh V, anh V1 chạy về nhà mỗi người cầm một con dao ra chỗ tranh chấp rượt đuổi đánh bị cáo H. Bị cáo H chạy về nhà của mình thì bị hại anh V, anh V1 tiếp tục đuổi theo, bị hại anh V1 cầm dao chém bể phần kính cửa chính nhà bị cáo H. Lúc này bị cáo H vào trong nhà lấy 01 con dao phát xông ra chém một nhát vào khuỷu tay của bị hại anh V1, nên bị hại anh V,

anh V1 chạy về nhà của mình. Bị hại anh V1 được ông Lê Văn Đ (*người cùng thôn*) chở xe máy để đi băng bó vết thương, khi đi ngang qua nhà bị cáo H lúc này tại cổng nhà của bị cáo H có bố mẹ bị cáo H là vợ chồng ông H1, bà Liễu, bị hại anh V1 có lời đe dọa, thách thức, nên bị cáo H cầm dao phát đuổi theo đòi chém bị hại anh V1. Ông H1, bà Liễu chạy theo để ngăn cản bị cáo H lại, thấy vậy bị hại anh V cầm dao chạy theo sau. Thấy bị hại anh V cầm dao chạy theo sau, ông H1, bà Liễu quay lại giằng co với bị hại V, lúc này bị cáo H quay lại dùng dao rựa chém một nhát vào chân trái của bị hại V, sau đó bị cáo H bỏ về nhà, bị hại anh V được ông H1 và mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Tại bản kết luận giám số 14/PY-TT ngày 20-2-2014 của Hội đồng giám định pháp y tỉnh Lâm Đồng xác định tỷ lệ thương tật của bị hại anh V là 18% với thương tích “*Vết thương 1/3 giữa cẳng chân trái, gãy hai xương cẳng chân, còn mang phương tiện kết hợp xương*”; Kết luận số 102/PY-TT ngày 03-6-2014 của Hội đồng giám định pháp y tỉnh Lâm Đồng xác định tỷ lệ thương tật của bị hại anh V1 11% với thương tích “*Sẹo 08cm cẳng tay trái; sẹo 05cm omô út tay phải; sẹo 01cm khuỷu tay phải*”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 123/2014/HSST ngày 26-12-2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (*sau đây viết tắt bản án sơ thẩm 123/2014/HSST*) đã tuyên bố bị cáo Lê Trần H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm a, c khoản 1 khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*sau đây gọi chung Bộ luật Hình sự năm 1999*). Xử phạt bị cáo H 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 604, 605, 609 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Buộc bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường tổn thất về sức khỏe và tinh thần cho bị hại anh V1 số tiền 25.268.020đ (*làm tròn số 25.268.000đ*); Buộc bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường tổn thất về sức khỏe và tinh thần cho người bị hại anh V số tiền 76.079.754đ (*làm tròn số 76.080.000đ*).

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Bị hại các anh V, anh V1 kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 123/2014/HSST theo thủ tục phúc thẩm. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 50/2015/HSPT ngày 23-4-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (*sau đây viết tắt bản án phúc thẩm số 50/2015/HSPT*) đã xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại anh V, anh V1; giữ nguyên bản án sơ thẩm; Xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Trần H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Trần H 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 22/2016/HS-GĐT ngày 30-5-2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt *Quyết định giám đốc thẩm số 22/2016/HS-GĐT*) đã Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 04/2016/KN-HS ngày 13-4-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hủy Bản án phúc thẩm số 50/2015/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Bản án sơ thẩm số 123/2014/HSST của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về phần hình phạt đối với bị cáo H. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án hình sự phúc thẩm nêu trên không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Sau khi vụ án được thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung, Tòa án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 14-12-2016. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại anh V đề nghị được giám định lại tỷ lệ thương tật; yêu cầu bồi thường thêm thiệt hại về sức khỏe với số tiền 8.347.433đ (làm tròn số 8.347.000đ). Do vậy, Tòa án đã Quyết định trả hồ sơ, yêu cầu điều tra bổ sung theo thủ tục chung.

Tại Bản kết luận số 95/2017/TgT ngày 27-12-2017 của Hội đồng giám định pháp y - Viện pháp y quốc gia, Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định tỷ lệ thương tật của bị hại anh V 33% theo nguyên tắc cộng lùi với thương tích “*Sẹo lớn căng chân trái, nhiều sẹo nhỏ căng chân trái, gãy hai xương căng chân trái, can xương liền tốt, thẳng trục, không ngăn chi, tổn thương hoàn toàn dây thần kinh mạc sâu và mạc nông (nhánh thần kinh hông kheo ngoài) bên trái*”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HSST ngày 17-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên bố bị cáo Lê Trần H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi chung Bộ luật Hình sự năm 2015).

Xử phạt bị cáo Lê Trần H 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 31-3-2014 đến ngày 17-4-2014 (18 ngày).

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 375, Điều 589, 590 của Bộ luật Dân sự 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo H và bị hại anh V. Bị cáo H phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại anh V số tiền 10.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí hình sự, dân sự theo quy định (bị cáo H đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 30-12-2014), quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

Ngày 29-5-2019 bị cáo Lê Trần H kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo khai nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm. Về kháng cáo, bị cáo xác định chỉ kháng cáo về các nội dung như bị cáo đã chấp hành gần xong bản án cho hưởng án treo, nay Tòa án tiếp tục phạt tù thì bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 lần là không đúng. Thương tích của bị hại anh V đã được giám định xác định tỷ lệ thương tật 18%; đến tháng 12-2017 giám định lại và xác định tỷ lệ thương tật 33%, đề nghị Tòa án xem xét thương tích theo thời gian phải được giảm chứ không thể tăng, nên đề nghị được giám định lại. Ngoài ra, bị cáo cầm dao chống đỡ khi anh em bị hại cầm dao tấn công bị cáo trước, nên cũng đề nghị Tòa án xem xét để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các Luật sư Lan, Luật sư Dũng bào chữa cho bị cáo cùng cho rằng về tội danh đề nghị Tòa xem xét khi bị cáo H gây thương tích cho các bị hại là do các anh em bị hại anh V1, anh V cầm dao tấn công bị cáo trước, nên chẳng bị cáo H gây thương tích là phòng vệ.

Hành vi của bị cáo H đã bị xét xử sơ thẩm lần 1, phúc thẩm lần 1 tuyên phạt 3 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 5 năm tính từ ngày 26-12-2014 tuyên án sơ thẩm lần 1. Tuy bản án bị kháng nghị giám đốc thẩm và cấp giám đốc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm về hình phạt nH lại không tạm đình chỉ hoặc đình chỉ thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, dẫn đến bị cáo vẫn chấp hành phạt tù cho hưởng án treo theo bản án; đến ngày xét xử sơ thẩm lần 2 thì bị cáo đã chấp hành gần xong thời gian thử thách; trong khi đó, Tòa án xét xử sơ thẩm lần 2 tuyên phạt 5 năm tù thì mặc nhiên bị cáo phải chấp hành hình phạt 2 lần. Nếu có chẳng xử phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm lần 1 như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị phạt tù cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bị hại anh V bị thương tích từ tháng 8-2013, được giám định tháng 02-2014 xác định tỷ lệ thương tật 18%; sau hơn 3 năm và đến tháng 12-2017 giám định lại và xác định tỷ lệ thương tật 33% là không bảo đảm khách quan. Bồi lý về thương tích theo thời gian phải được lành và giảm tỷ lệ % chứ không thể tăng tỷ lệ %. Kết luận giám định lại sử dụng các bệnh án trước đây, thương tích có cả các vết sẹo mổ để xác định tỷ lệ thương tích; với thương tích theo kết luận giám định thì bị hại không thể đi lại bình thường được. Do vậy đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo để thực hiện giám định lại tỷ lệ thương tích của bị hại.

Bị hại anh V, anh V1 trình bày và xác định trước khi bị cáo gây thương tích cho từng bị hại thì các bị hại anh V, anh V1 có về nhà cầm mỗi người một con dao. Bị cáo H sử dụng dao gây thương tích cho từng bị hại như kết luận giám định.

Luật sư Trí bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng bản án sơ thẩm lần 1, phúc thẩm lần 1 bị kháng nghị và bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án huyện Đ xét xử lại theo thủ tục chung. Do vậy, việc giám định lại dẫn đến tăng tỷ lệ thương tích, áp dụng khoản khác là đúng quy định pháp luật.

Việc giám định lại bảo đảm khách quan, nên không chấp nhận ý kiến bào chữa của bị cáo, của người bào chữa.

Ngoài ra, ý kiến bào chữa cho bị cáo còn cho rằng bản án bị kháng nghị giám đốc thẩm và bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm nH lại không tạm đình chỉ hoặc đình chỉ thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, dẫn đến bị cáo vẫn chấp hành bản án cho hưởng án treo cũng không đúng. Bởi lẽ, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tương ứng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện... xét thấy không cần bắt họ phải chấp hành hình phạt tù*”, chứ không phải là hình phạt. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm số 123/2014/HSST; Bản án phúc thẩm số 50/2015/HSPT đã bị hủy, theo Quyết định giám đốc thẩm số 22/2016/HS-GĐT thì không thể nói rằng bị cáo H chấp hành bản án đã bị hủy. Do vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm, không án dụng áp dụng tình tiết tăng nặng quy định điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 với căn cứ “bị hại cũng có lỗi”; áp dụng Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tính từ ngày 26-12-2014 tuyên án sơ thẩm lần 1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Luật sư Vũ Thị Hạnh Hương vắng mặt và không gửi bản bào chữa, bị cáo H xác định đã có Luật sư Lan, Luật sư Dũng bào chữa, đồng ý xét xử vắng Luật sư Hương. Căn cứ khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xuất phát từ mâu thuẫn tranh chấp lời đi, nên vào khoảng 09 giờ ngày 27-8-2013 đã xảy ra sự xô xát và cãi vã giữa bị cáo Lê Trần H với hai anh em bị hại anh Nguyễn Tấn V, anh Nguyễn Tấn V1. Trong quá trình cãi nhau, bị hại anh V, anh V1 chạy về nhà mỗi người cầm một con dao ra chỗ tranh chấp rượt đuổi đánh bị cáo H. Bị cáo H chạy về nhà của mình thì bị hại anh V, anh V1 tiếp tục đuổi theo, bị hại anh V1 cầm dao chém bẻ phần kính cửa chính nhà bị cáo H. Lúc này bị cáo H vào trong nhà lấy 01 con dao phát xông ra chém một nhát vào khuỷu tay của bị hại anh V1, nên bị hại anh V, anh V1 chạy về nhà của mình, sau đó bị hại anh V1 được ông Đệ (*người cùng thôn*) chở xe máy để đi băng bó vết thương, khi đi ngang qua nhà bị cáo H, bị hại anh V1 có lời đe dọa, thách thức, nên bị cáo H cầm dao phát đuổi theo đòi chém bị hại anh V1 và được ông H1, bà Liễu (*bố mẹ bị cáo*) chạy theo để ngăn cản bị cáo H thì lúc này bị hại anh V cầm dao chạy theo sau, nên ông H1, bà Liễu quay lại giằng co với bị hại V, lúc này bị cáo H quay lại dùng dao rựa chém một nhát vào chân trái của bị hại

V, sau đó bị cáo H bỏ về nhà, bị hại anh V được ông H1 và mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Hậu quả của hành vi, bị hại anh V, anh V1 bị thương tích được giám định xác định tỷ lệ thương tật của bị hại anh V là 18% (*Kết luận số 14/PY-TT ngày 20-2-2014 với thương tích “Vết thương 1/3 giữa cẳng chân trái, gãy hai xương cẳng chân, còn mang phương tiện kết hợp xương”*); Tỷ lệ thương tật của bị hại anh V1 là 11% (*Kết luận số 102/PY-TT ngày 03-6-2014 với thương tích “Sẹo 08cm cẳng tay trái; sẹo 05cm omô út tay phải; sẹo 01cm khuỷu tay phải”*).

Sau khi bản án sơ thẩm lần 1, phúc thẩm lần 1 bị hủy, theo yêu cầu của bị hại anh V, được giám định lại xác định tỷ lệ thương tật của bị hại anh V là 33% theo nguyên tắc cộng lùi (*Kết luận số 95/2017/TgT ngày 27-12-2017 của Hội đồng giám định pháp y - Viện pháp y quốc gia, Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh*), với thương tích *“Sẹo lớn cẳng chân trái, nhiều sẹo mổ nhỏ cẳng chân trái, gãy hai xương cẳng chân trái, can xương liền tốt, thẳng trục, không ngăn chi, tổn thương hoàn toàn dây thần kinh mác sâu và mác nông (nhánh thần kinh hông kheo ngoài) bên trái”* (bút lục 346-350).

Đối chiếu giữa kết luận giám định số 14/PY-TT ngày 20-2-2014 thể hiện về thương tích *“Vết thương 1/3 giữa cẳng chân trái, gãy hai xương cẳng chân, còn mang phương tiện kết hợp xương”* (bút lục 23) với Kết luận số 95/2017/TgT ngày 27-12-2017 (giám định lần 2) thể hiện *“Sẹo lớn cẳng chân trái, nhiều sẹo mổ nhỏ cẳng chân trái, gãy hai xương cẳng chân trái, can xương liền tốt, thẳng trục, không ngăn chi, tổn thương hoàn toàn dây thần kinh mác sâu và mác nông (nhánh thần kinh hông kheo ngoài) bên trái”*. Như vậy, Kết luận số 95/2017/TgT ngày 27-12-2017 xác định *“tổn thương hoàn toàn dây thần kinh mác sâu và mác nông (nhánh thần kinh hông kheo ngoài) bên trái”*, dẫn đến tăng tỷ lệ thương tật, đồng thời đã được Cơ quan giám định có văn bản số 26/PVPYQG-KGD ngày 10-5-2019 giải thích về tỷ lệ thương tích.

Luật sư bào chữa cho rằng với thương tích của bị hại anh V như Kết luận số 95/2017/TgT thì không đi lại bình thường được là không có căn cứ. Bởi lẽ *“tổn thương hoàn toàn dây thần kinh mác sâu và mác nông (nhánh thần kinh hông kheo ngoài) bên trái”* chứ không phải *“tổn thương gân”* gây ảnh hưởng đến việc đi lại, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về yêu cầu giám định lại thương tích của bị hại. Cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ như kết luận giám định; vật chứng thu giữ; lời khai của bị cáo; lời khai bị hại; lời khai người làm chứng, đã tuyên bố bị cáo H phạm tội *“Cố ý gây thương tích”* là có căn cứ.

[3] Về áp dụng pháp luật: Cấp sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là không đúng. Bởi lẽ, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01-01-2018, nên bị cáo bị áp dụng khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đến nay mới xét xử cần so sánh quy định theo hướng có lợi để áp dụng. Theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định phạt tù *“từ 05 năm tù đến 15 năm”*; trong khi đó khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định phạt tù *“từ 05 năm tù đến 10 năm”*, nên căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị Quyết 41/2017/QH14

ngày 20-6-2017 để áp dụng khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về nguyên tắc có lợi cho bị cáo mới đúng. Do vậy, cần sửa bản án để áp dụng khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 để áp dụng khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo H là phù hợp.

[4] Luật sư bào chữa và bị cáo H kháng cáo cho rằng, tuy bản án sơ thẩm lần 1 bị hủy nh cấp giám đốc thẩm không tạm đình chỉ hoặc đình chỉ thi hành bản án, trong khi đó bị cáo đã chấp hành gần xong bản án phạt tù cho hưởng án treo tính đến ngày xét xử sơ thẩm lần 2 (ngày 17-5-2019). Khi xét xử sơ thẩm lần 2, Tòa án lại quyết định xử phạt 05 năm tù là không đúng nguyên tắc “*một hành vi phải chịu trách nhiệm một hình phạt*”. Đối chiếu với Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*trương ứng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015*; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015) đều quy định “*Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện... xét thấy không cần buộc phải chấp hành hình phạt tù*”. Như vậy án treo là hình phạt tù nh được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện chứ không phải là hình phạt theo quy định Điều 30, khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, kể từ ngày 27-3-2016, bị cáo H không thực hiện nghĩa vụ của người được hưởng án treo (bút lục 453). Tại phiên tòa, tuy bị cáo H xuất trình xác nhận quá trình thi hành án cũng không chấp nhận. Do vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về nội dung này.

Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại anh V, anh V1 cũng thừa nhận hành vi dùng dao đuổi đánh bị cáo H đến tận nhà của bị cáo là chấm dứt. Trong trường hợp này, các bị hại đã chấm dứt hành vi đuổi đánh bị cáo, không còn sự kiện phòng vệ hoặc tình thế cấp thiết, bị cáo H vẫn có đủ điều kiện lựa chọn cách xử sự khác không dùng dao tấn công lại và gây thương tích cho các bị hại. Do vậy Luật sư đề nghị xem xét tội danh của bị cáo là không có căn cứ.

Tuy nhiên, căn cứ diễn biến của hành vi giữa các bị hại, bị cáo thì bị hại có một phần lỗi, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] *Về án phí phúc thẩm*: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Trần H, sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Trần H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017; khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Trần H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 31-3-2014 đến ngày 17-4-2014.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Trần H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Đ (02);
- VKSND huyện Đ (01);
- Cơ quan CSĐT CA Đ (01);
- Cơ quan THAHS CA Đ (01);
- Bị cáo (01); Bị hại (02);
- Người liên quan (02);
- Người bào chữa (03);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Kim Đồng

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thành Trung – Đặng Ngọc Bình

Nguyễn Kim Đồng

